

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ  
KHOAN DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI	7 - 40

Số: 152 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang Đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (được gọi chung là "Tổng Công ty") được lập tại ngày 26 tháng 8 năm 2014, từ trang 2 đến trang 40. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thoả thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo tài chính hợp nhất đã được quy đổi sang Đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để quy đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang Đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp quy đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra Đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:


- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để quy đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra Đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 - Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập tại các mục a, b, c nêu trên.



**Nguyễn Quang Trung**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 26 tháng 8 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

  
**Nguyễn Thị Thu Sang**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1144-2013-001-1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Thuyết		30/6/2014	31/12/2013
	số	minh		
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>9.517.428.784.890</b>	<b>7.967.393.100.824</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.717.348.407.743</b>	<b>2.597.616.954.888</b>
1. Tiền	111		1.547.395.785.577	937.662.892.177
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.169.952.622.166	1.659.954.062.711
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>159.258.333.333</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		159.258.333.333	20.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.281.954.207.608</b>	<b>4.184.484.001.932</b>
1. Phải thu khách hàng	131		4.978.935.618.390	3.906.177.217.068
2. Trả trước cho người bán	132		126.888.845.544	146.296.755.240
3. Các khoản phải thu khác	135	6	181.382.073.564	136.994.341.536
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.252.329.890)	(4.984.311.912)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>1.139.789.367.270</b>	<b>1.043.709.154.716</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.140.759.927.042	1.044.738.740.700
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(970.559.772)	(1.029.585.984)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>219.078.468.936</b>	<b>121.582.989.288</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		141.959.929.350	65.615.133.588
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		54.809.092.302	33.584.815.440
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	398.421.840
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		22.309.447.284	21.984.618.420
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)</b>	<b>200</b>		<b>13.556.921.137.266</b>	<b>13.524.940.028.736</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.137.155.827.522</b>	<b>12.482.423.783.508</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	11.927.371.846.206	12.313.643.456.964
- Nguyên giá	222		16.656.781.225.584	16.483.029.101.292
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.729.409.379.378)	(4.169.385.644.328)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	206.586.224.610	151.132.321.596
- Nguyên giá	228		276.232.376.028	212.779.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(69.646.151.418)	(61.646.818.404)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3.197.756.706	17.648.004.948
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.378.472.497.722</b>	<b>957.444.305.196</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	11	1.368.497.840.658	941.665.180.560
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	9.974.657.064	33.429.317.328
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	-	(17.650.192.692)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>40.024.043.394</b>	<b>83.564.458.200</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	21.903.967.374	67.572.869.964
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	726.337.002	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		17.393.739.018	15.991.588.236
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>16</b>	<b>1.268.768.628</b>	<b>1.507.481.832</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>23.074.349.922.156</b>	<b>21.492.333.129.560</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số	minh	30/6/2014		31/12/2013	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>11.947.799.882.324</b>		<b>11.624.526.500.304</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.559.461.570.496</b>		<b>6.764.871.378.948</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	1.603.142.765.136		1.829.467.935.552	
2. Phải trả người bán	312		2.898.732.449.766		2.141.149.091.712	
3. Người mua trả tiền trước	313		70.033.869.672		108.112.607.724	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	405.965.423.592		380.619.430.812	
5. Phải trả người lao động	315		221.314.674.174		201.193.226.424	
6. Chi phí phải trả	316	19	1.856.618.189.382		1.553.908.178.820	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	211.805.184.152		312.658.046.964	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	102.323.519.226		101.570.159.292	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		189.525.495.396		136.192.701.648	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.388.338.311.828</b>		<b>4.859.655.121.356</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	333	12	480.159.918.690		523.046.550.744	
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	3.187.722.793.842		3.783.480.645.048	
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-		103.139.508	
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		352.917.306		1.048.308.024	
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	23	720.102.681.990		551.976.478.032	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>11.096.899.717.120</b>		<b>9.838.241.877.560</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>11.096.899.717.120</b>		<b>9.838.241.877.560</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.755.286.950.000		2.755.286.950.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.446.049.927.854		2.446.049.927.854	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(11.963.553.191)		(11.963.553.191)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		803.563.886.986		683.185.976.226	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		869.111.635.107		735.587.990.807	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		348.097.405.342		338.229.607.392	
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.886.753.465.022		2.891.864.978.472	
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>25</b>	<b>29.650.322.712</b>		<b>29.564.751.696</b>	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>23.074.349.922.156</b>		<b>21.492.333.129.560</b>	

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	265.112.805	10.675.390.677
2. Ngoại tệ các loại		
Đồng Euro ("EUR")	6.114	6.114
Bảng Anh ("GBP")	8.698	8.238
Dinars Algeria ("DZD")	48.420.481	64.744.136
Đô la Singapore ("SGD")	26.343	19.751



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

Hồ Ngọc Yên Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

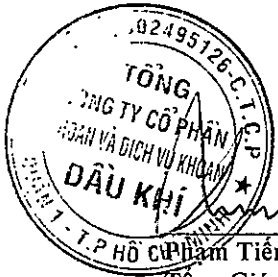
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	số	minh	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	9.937.308.060.150	6.529.447.307.487
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	26	9.937.308.060.150	6.529.447.307.487
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	7.815.998.541.200	4.924.403.300.885
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.121.309.518.950	1.605.044.006.602
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	66.680.085.000	18.732.610.046
6. Chi phí tài chính	22	29	165.370.063.000	190.861.329.470
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		79.166.650.300	121.977.545.318
7. Chi phí bán hàng	24		14.602.511.300	9.396.051.691
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		513.871.926.400	379.582.336.183
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-(21-22)-(24+25))	30		1.494.145.103.250	1.043.936.899.304
10. Thu nhập khác	31		33.883.406.150	21.007.646.880
11. Chi phí khác	32		11.355.822.450	6.410.656.926
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		22.527.583.700	14.596.989.954
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	45	11	173.331.551.900	18.439.892.834
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		1.690.004.238.850	1.076.973.782.092
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	305.517.910.750	136.217.866.890
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (817.097.850)	52	15	(817.097.850)	947.310.556
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) <i>Phân bổ cho:</i>	60		1.385.303.425.950	939.808.604.646
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	25	3.878.525.650	3.360.602.737
- Lợi ích của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh	62	12	53.522.437.021	63.871.854.091
- Cổ đông của Tổng Công ty	63		1.327.902.463.279	872.576.147.818
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	4.824	3.710



**Phạm Tiến Dũng**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

**Hồ Ngọc Yến Phương**  
 Phó Tổng Giám đốc

**Đoàn Đắc Tùng**  
 Kế toán trưởng

**Trần Kim Hoàng**  
 Người lập biểu

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.690.004.238.850	1.076.973.782.092
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	530.600.108.800	519.037.319.642
Các khoản dự phòng	03	(17.514.357.800)	(2.284.244.136)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	27.947.832.400	32.769.350.255
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(207.700.981.500)	(29.292.448.045)
Chi phí lãi vay	06	79.166.650.300	121.977.545.318
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	2.102.503.491.050	1.719.181.305.126
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.001.705.844.800)	299.130.389.477
Thay đổi hàng tồn kho	10	(84.802.072.100)	(93.183.666.427)
Thay đổi các khoản phải trả	11	905.038.280.421	(171.220.987.768)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(29.075.565.100)	(28.059.523.648)
Tiền lãi vay đã trả	13	(84.196.253.176)	(110.629.712.251)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(208.461.957.980)	(135.213.219.091)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(139.075.097.650)	(85.972.078.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.460.224.980.665	1.394.032.507.036
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(100.625.489.220)	(108.396.170.769)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	7.611.049	258.991.823
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(148.494.741.100)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.999.993.250	-
5. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(423.091.153.759)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.311.781.400	3.887.814.516
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	153.513.611.665	30.512.561.377
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(501.378.386.715)	(73.736.803.053)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	-	813.960.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	168.733.789.850	399.635.048.361
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.034.955.616.952)	(1.289.906.201.823)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(866.221.827.102)	(76.311.153.462)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong kỳ (50=20+30+40)	50	92.624.766.848	1.243.984.550.521
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	2.597.616.954.888	1.067.748.648.852
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	693.469.440	8.756.445.360
Ảnh hưởng của việc quy đổi đồng tiền hạch toán	62	26.413.216.567	15.774.342.239
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70=50+60+61+62)	70	<u>2.717.348.407.743</u>	<u>2.336.263.986.972</u>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm số tiền 19.594.718.388 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 14.980.085.688 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định trên đã bao gồm 17.859.648.500 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 59.783.926.157 đồng) là giá trị tài sản mua trong kỳ trước được thanh toán trong kỳ này.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 153.543.201.541 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 18.445.996.317 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ đã bao gồm số tiền 116.540.309.015 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 27.495.086.872 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của kỳ trước đã thu trong kỳ này.

Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 22.205.065.686 đồng là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán qua hình thức cản trừ công nợ.



Phạm Tiên Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

Hồ Ngọc Yên Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

0011  
CH  
CÓ  
BÁCH  
DE  
VII  
VI-



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Công ty mẹ”), 6 công ty con và 7 công ty liên doanh, cụ thể như sau:

**Công ty mẹ**

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 9 ngày 20 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty mẹ được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Petrovietnam”).

Công ty mẹ có 2 Xí nghiệp trực thuộc và 1 Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Invest”) được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

**Các công ty con**

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

0-06  
HÀNH  
: TY  
KHU  
TT  
HÀP  
HỒ

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 3 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là “PVD Deepwater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deepwater được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là “BCC”) bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MBBank”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OceanBank”) để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là “TAD” hay “PV Drilling V”). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 16.

#### Công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling (gọi tắt là “BJ-PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là “PVD-Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Liên doanh PV Drilling Overseas (gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại 10 Anson Road #22-14 International Plaza Singapore. Tổng vốn điều lệ đăng ký tối đa là 70 triệu Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại Công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan.



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Theo Nghị quyết số 01/02/2014/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty quyết định tăng tỷ lệ sở hữu trong Liên doanh PVD Overseas từ 55% lên 80% trong năm nay. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc tăng vốn đầu tư vào PVD Overseas.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVD Tubulars”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng, tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, gọi tắt là “PVD-Expro”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Expro đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD-Expro là 4 triệu Đô la Mỹ, trong đó PVD Logging nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Vietubes (gọi tắt là “Vietubes”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012 với vốn điều lệ của Vietubes là 77.297.205.000 đồng, tương đương 3.707.300 Đô la Mỹ. Trụ sở đăng ký của Vietubes đặt tại Số 1, Đường 11, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech-Oil States Industries (gọi tắt là “PVD-OSI”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PVD-OSI đặt tại Đường số 11, Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vốn điều lệ của PVD-OSI là 105.000.000.000 đồng, tương đương 5 triệu Đô la Mỹ, PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty này.

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### • Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Đô la Mỹ (“USD”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này được quy đổi từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng Đô la Mỹ (“USD”) sang Đồng Việt Nam (“VND”) theo nguyên tắc: tỷ giá sử dụng quy đổi từ USD sang VND đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 21.246 VND/USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.036 VND/USD). Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ là 21.050 VND/USD (kỳ 6 tháng năm 2013: 20.831 VND/USD) và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

30-6  
NHÀ  
IG T  
HIỆM  
DIT  
T N  
TP.H

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

#### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

11/01/2014  
HÀ M  
/HN

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Bảo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Tổng Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tổng Công ty là bên đi thuê*

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và chi phí duy tu bảo dưỡng giàn khoan, phát sinh trong kỳ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 năm đến 5 năm.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Ngoài ra, bao gồm trong khoản trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

#### Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được Tổng Công ty trích trước hàng kỳ căn cứ vào chu kỳ sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm 1 lần theo yêu cầu đặc thù và kỹ thuật để đảm bảo duy trì hoạt động tiếp tục của các giàn khoan.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2500  
NH  
ÔNG  
HIỆM  
LỢI  
ỆT N  
TP.F



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	5.126.596.062	4.368.525.084
Tiền gửi ngân hàng	1.542.269.189.515	933.294.367.093
Các khoản tương đương tiền	1.169.952.622.166	1.659.954.062.711
	<u><b>2.717.348.407.743</b></u>	<u><b>2.597.616.954.888</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

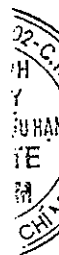
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng đến một năm.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu chi phí trả hộ từ Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	1.616.969.322	1.597.200.372
Phải thu chi phí trả hộ từ Công ty Liên doanh PV Drilling Overseas	2.335.785.240	839.020.860
Phải thu lãi tiền gửi	9.138.367.982	14.553.504.168
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	144.404.833.559	102.549.048.516
Các khoản phải thu khác	23.886.117.461	17.455.567.620
	<u><b>181.382.073.564</b></u>	<u><b>136.994.341.536</b></u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	542.920.284	94.663.724.952
Nguyên liệu, vật liệu	670.755.405.138	574.812.149.904
Công cụ, dụng cụ	2.600.425.416	2.101.349.148
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.571.471.016	15.856.873.692
Hàng hoá	419.180.095.656	328.745.096.568
Hàng gửi đi bán	16.109.609.532	28.559.546.436
	<u><b>1.140.759.927.042</b></u>	<u><b>1.044.738.740.700</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(970.559.772)	(1.029.585.984)
	<u><b>1.139.789.367.270</b></u>	<u><b>1.043.709.154.716</b></u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**  
 Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

MÃU SỐ B 09-DN/HN

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	335.922.853.236	16.025.236.664.304	47.127.623.952	73.598.337.660	1.143.622.140	16.483.029.101.292
Phân loại lại	918.894.552	(512.352.816)	11.949.310.476	(12.243.898.620)	(111.953.592)	-
Tăng trong kỳ	576.812.100	29.246.406.900	2.417.234.650	1.431.231.600	-	33.671.685.250
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.632.436.600	13.227.293.750	-	-	-	21.859.730.350
Thanh lý	-	(64.286.700)	(1.373.638.800)	-	-	(1.437.925.500)
Giảm khác	-	-	(400.510.000)	-	-	(400.510.000)
Chênh lệch tỷ giá	2.747.814.904	116.414.648.542	486.435.538	399.954.606	10.290.602	120.059.144.192
Tại ngày 30/6/2014	348.798.811.392	16.183.548.373.980	60.206.455.816	63.185.625.246	1.041.959.150	16.656.781.225.584

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2014	87.831.463.548	3.994.207.554.960	33.558.499.404	53.176.062.960	612.063.456	4.169.385.644.328
Phân loại lại	373.367.964	(863.927.484)	10.440.797.880	(9.950.238.360)	-	-
Khấu hao trong kỳ	9.227.225.400	508.133.191.200	2.801.523.450	3.780.558.950	129.036.500	524.071.535.500
Thanh lý	-	(34.101.000)	(1.373.638.800)	-	-	(1.407.739.800)
Giảm khác	-	-	(387.277.900)	-	-	(387.277.900)
Chênh lệch tỷ giá	783.803.166	36.273.203.220	360.843.334	322.055.890	7.311.640	37.747.217.250
Tại ngày 30/6/2014	98.215.860.078	4.537.715.920.896	45.400.747.368	47.328.439.440	748.411.596	4.729.409.379.378

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 30/6/2014	250.582.951.314	11.645.832.453.084	14.805.708.448	15.857.185.806	293.547.554	11.927.371.846.206
Tại ngày 31/12/2013	248.091.389.688	12.031.029.109.344	13.569.124.548	20.422.274.700	531.558.684	12.313.643.456.964

16/11/16

M.S.C.N.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản là giàn PV Drilling II, PV Drilling III, PV Drilling V và các máy móc thiết bị đang sử dụng tại PVD Well và PVD Tech với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 10.024.606.218.786 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10.309.338.706.538 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị là 223.820.066.232 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 188.747.655.672 đồng).

Khấu hao tài sản cố định hữu hình trong kỳ bao gồm 1.020.777.650 đồng là hao mòn tài sản cố định đầu tư, mua sắm bằng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ (kỳ 6 tháng năm 2013: 0 đồng).

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	128.780.667.048	50.282.477.016	33.715.995.936	212.779.140.000
Tăng trong kỳ	55.228.043.000	6.051.348.750	-	61.279.391.750
Chênh lệch tỷ giá	1.285.601.956	551.659.362	336.582.960	2.173.844.278
Tại ngày 30/6/2014	<u>185.294.312.004</u>	<u>56.885.485.128</u>	<u>34.052.578.896</u>	<u>276.232.376.028</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	12.536.172.804	27.443.018.664	21.667.626.936	61.646.818.404
Khấu hao trong kỳ	1.397.004.300	2.978.806.550	2.944.495.050	7.320.305.900
Chênh lệch tỷ giá	135.329.208	299.975.770	243.722.136	679.027.114
Tại ngày 30/6/2014	<u>14.068.506.312</u>	<u>30.721.800.984</u>	<u>24.855.844.122</u>	<u>69.646.151.418</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2014	<u>171.225.805.692</u>	<u>26.163.684.144</u>	<u>9.196.734.774</u>	<u>206.586.224.610</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>116.244.494.244</u>	<u>22.839.458.352</u>	<u>12.048.369.000</u>	<u>151.132.321.596</u>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	-	171.990.336
Mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản khác	3.197.756.706	17.476.014.612
	<u>3.197.756.706</u>	<u>17.648.004.948</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ	Vốn điều lệ	Giá trị khoản đầu tư	
	đăng ký	sở hữu	đã góp	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>%</u>	<u>USD</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BJ-PVD	5.000.000	49	2.450.000	48.039.113.955	48.039.113.955
PVD-Expro	4.000.000	51	2.040.000	34.238.560.029	34.238.560.029
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.785.000	30.515.952.000	30.548.750.000
PVD-Baker Hughes	20.000.000	51	10.200.000	211.753.000.000	211.753.000.000
Vietubes	3.707.300	51	1.890.723	86.637.631.068	86.637.631.068
PVD Overseas	70.000.000	55	38.500.000	817.679.942.000	401.575.170.000
PVD-OSI	<u>5.000.000</u>	<u>51</u>	<u>2.550.000</u>	<u>53.111.400.000</u>	<u>53.111.400.000</u>

Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu các khoản đầu tư tại các công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BJ-PVD	64.631.278.513	70.989.600.192
PVD-Expro	66.969.978.540	65.118.515.700
PVD Tubulars	45.211.336.462	37.549.260.000
PVD-Baker Hughes	216.709.200.000	214.567.200.000
Vietubes	95.938.210.148	94.373.217.792
PVD Overseas	819.330.744.000	403.512.552.000
PVD-OSI	59.707.092.995	55.554.834.876
	<u>1.368.497.840.658</u>	<u>941.665.180.560</u>

00-  
NHÀ  
G  
EM  
ĐT  
N  
P.T

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Biến động giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong kỳ như sau:

	Tại ngày 01/01/2014	Góp vốn trong kỳ	Lợi nhuận được chia	Phân bổ lợi thế thương mại	Lợi nhuận đã nhận	Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	Tại ngày 30/6/2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BJ-PVD	70.989.600.192	-	12.736.798.231	-	(19.664.121.659)	569.001.749	64.631.278.513
PVD-Expro	65.118.515.700	15.090.010.968	17.641.407.543	-	(22.205.071.087)	(8.674.884.584)	66.969.978.540
PVD Tubulars	37.549.260.000	-	14.390.741.578	-	-	(6.728.665.116)	45.211.336.462
PVD-Baker Hughes	214.567.200.000	-	123.432.141.908	-	(123.432.141.908)	2.142.000.000	216.709.200.000
Vietubes	94.373.217.792	-	3.678.644.095	(1.285.161.963)	-	(828.489.776)	95.938.210.148
PVD Overseas	403.512.552.000	407.719.752.000	-	-	-	8.098.440.000	819.330.744.000
PVD-OSI	55.554.834.876	-	4.540.328.114	-	-	(388.069.995)	59.707.092.995
	<b>941.665.180.560</b>	<b>422.809.762.968</b>	<b>176.420.061.469</b>	<b>(1.285.161.963)</b>	<b>(165.301.334.654)</b>	<b>(5.810.667.722)</b>	<b>1.368.497.840.658</b>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của PVD-Baker Hughes cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 vẫn chưa chính thức được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh, phần lợi nhuận của Tổng Công ty trong Công ty liên doanh vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Chi tiết khoản đầu tư vào Vietubes trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và trong năm 2013 như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 VND
Khoản vốn góp vào liên doanh	111.497.040.350	111.497.040.350
Lợi nhuận được chia của giai đoạn trước đầu tư	(24.709.148.956)	(24.709.148.956)
Chênh lệch tỷ giá	(150.260.326)	(150.260.326)
<b>Giá trị thuần của khoản đầu tư</b>	<b>86.637.631.068</b>	<b>86.637.631.068</b>
<i>Trong đó: Phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại liên doanh</i>	<i>60.968.349.920</i>	<i>60.968.349.920</i>
<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>25.669.281.148</i>	<i>25.669.281.148</i>
<b>Lợi nhuận được chia</b>	<b>9.300.579.080</b>	<b>7.735.586.724</b>
<i>Trong đó: Lợi nhuận được chia đầu kỳ/năm</i>	<i>7.735.586.724</i>	<i>9.208.683.640</i>
<i>Lợi nhuận được chia trong kỳ/năm</i>	<i>3.678.644.095</i>	<i>6.964.320.840</i>
<i>Lợi nhuận đã nhận trong kỳ/năm</i>	<i>-</i>	<i>(6.735.019.785)</i>
<i>Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ/năm</i>	<i>(1.285.161.963)</i>	<i>(2.580.113.140)</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>(828.489.776)</i>	<i>877.715.169</i>
<b>Giá trị khoản đầu tư cuối kỳ/năm</b>	<b>95.938.210.148</b>	<b>94.373.217.792</b>

**12. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC**

Tổng Công ty cùng với Petrovietnam, Ngân hàng TMCP Quân đội (gọi tắt là “MBBank”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (gọi tắt là “OceanBank”) hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan “TAD” hay giàn khoan “PV Drilling V”) với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ góp %
Phần vốn góp của Petrovietnam	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty	62,43
Phần vốn góp của MBBank	9,71
Phần vốn góp của OceanBank	4,86

Tình hình tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng tài sản	4.133.520.202.810	4.293.963.498.959
<i>Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV Drilling V</i>	<i>3.376.912.613.774</i>	<i>3.514.306.725.494</i>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận I

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Phần vốn thực góp của đối tác trong BCC bao gồm Petrovietnam, MBBank và OceanBank nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan TAD được ghi nhận là phải trả dài hạn khác. Số dư khoản phải trả dài hạn khác này tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Petrovietnam	278.173.894.859	278.173.894.859
MBBank	133.229.238.748	133.229.238.748
OceanBank	68.756.768.760	68.756.768.760
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	16.323	42.886.648.377
	<u>480.159.918.690</u>	<u>523.046.550.744</u>
	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	VND	VND
Doanh thu	799.768.125.834	783.822.157.808
Giá vốn	507.715.643.881	431.713.383.667
Chi phí quản lý	97.175.381.602	99.146.694.966
Chi phí tài chính	69.948.228.820	94.604.583.312
Doanh thu tài chính	8.256.748.076	1.988.291.677
Doanh thu khác	2.599.384.363	816.709.134
Lợi nhuận thuần	135.785.003.970	161.162.496.674
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	6.675.568.352	8.845.100.055
Lợi nhuận phân phối cho liên doanh	142.460.572.322	170.007.596.729
<i>Phân chia theo tỷ lệ vốn góp</i>		
Tổng Công ty	82.262.566.949	97.290.642.583
Các bên BCC:	53.522.437.021	63.871.854.091
<i>Petrovietnam</i>	32.765.931.634	39.101.747.248
<i>MBBank</i>	13.832.921.572	16.507.737.642
<i>OceanBank</i>	6.923.583.815	8.262.369.201

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND*
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	20.000.000.000
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	10.000.000.000	10.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(25.342.936)	3.429.317.328
	9.974.657.064	33.429.317.328
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(17.650.192.692)
	<u>9.974.657.064</u>	<u>15.779.124.636</u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là "Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗi chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	-	28.088.297.964
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	-	2.625.944.916
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling V	10.825.654.564	17.377.124.376
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.078.312.810	19.481.502.708
	<u><u>21.903.967.374</u></u>	<u><u>67.572.869.964</u></u>

**15. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	4.830.638.040	1.678.028.648	6.508.666.688
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(6.214.931.580)	(410.954.050)	(6.625.885.630)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(1.221.564)	15.300.998	14.079.434
Tại ngày 31/12/2013	(1.385.515.104)	1.282.375.596	(103.139.508)
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	817.097.850	817.097.850
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(15.467.382)	27.846.042	12.378.660
Tại ngày 30/6/2014	<u><u>(1.400.982.486)</u></u>	<u><u>2.127.319.488</u></u>	<u><u>726.337.002</u></u>

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	30/6/2014				31/12/2013			
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký <u>VND</u>	Vốn điều lệ đã góp <u>VND</u>	Giá trị khoản đầu tư <u>VND</u>	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký <u>VND</u>	Vốn điều lệ đã góp <u>VND</u>	Giá trị khoản đầu tư <u>VND</u>
PVD Offshore	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
PVD Well	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
PVD Logging	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
PVD Têch	100	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	100	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
PVD Training	52	28.958.670.000	14.996.960.000	19.755.753.400	52	28.958.670.000	14.996.960.000	19.755.753.400
PVD Deepwater	100	764.000.000.000	764.000.000.000	764.000.000.000	100	764.000.000.000	764.000.000.000	764.000.000.000
				<u><u>1.223.755.753.400</u></u>				<u><u>1.223.755.753.400</u></u>

Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Tổng Công ty góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng, tương đương 388.501 Đô la Mỹ. Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thể thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 Đô la Mỹ.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong kỳ như sau:

	Lợi thế thương mại VND
Giá trị lợi thế thương mại tại thời điểm đầu tư	4.285.636.640
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	789.480.364
Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 30/6/2014	<u>5.075.117.004</u>
<b>GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	3.517.471.632
Phân bổ trong kỳ	251.421.200
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	37.455.544
Tại ngày 30/6/2014	<u>3.806.348.376</u>
<b>GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2014	<u><u>1.268.768.628</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>1.507.481.832</u></u>

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	101.893.712.646	118.165.060.008
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	1.501.249.052.490	1.711.302.875.544
	<u><u>1.603.142.765.136</u></u>	<u><u>1.829.467.935.552</u></u>

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	27.000.712.806	75.521.743.284
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	19.617.005.442	42.442.528.104
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam ("PVCombank")	8.590.968.822	-
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	46.473.627.876	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	211.397.700	200.788.620
	<u><u>101.893.712.646</u></u>	<u><u>118.165.060.008</u></u>

Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

	<u>Công ty</u>	<u>Hạn mức tín dụng</u>	<u>Đơn vị tiền tệ</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	PVD Tech	60.000.000.000	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	PVD Tech	2.832.439	USD
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	PVD Tech	2.000.000	USD
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	PVD Tech	2.800.406	USD
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	PVD Offshore	20.000.000.000	VND

J-002  
 ANH  
 TY  
 HUUH  
 TTE  
 NAM  
 HỒ CH

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	120.269.250.570	214.422.009.528
Thuế xuất nhập khẩu	36.096.954	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	168.259.226.712	69.312.757.524
Thuế thu nhập cá nhân	39.622.833.930	52.453.160.820
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.953.194	-
Các loại thuế khác	<u>77.775.062.232</u>	<u>44.431.502.940</u>
	<u><b>405.965.423.592</b></u>	<u><b>380.619.430.812</b></u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước trong kỳ của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2014 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính VND	30/6/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	214.422.009.528	551.705.396.581	645.904.716.883	46.561.344	120.269.250.570
Thuế xuất nhập khẩu	-	31.017.966.764	30.981.869.810	-	36.096.954
Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.914.335.684	305.517.903.238	208.461.957.980	2.288.945.770	168.259.226.712
Thuế thu nhập cá nhân	52.453.160.820	304.263.946.980	318.270.824.277	1.176.550.407	39.622.833.930
Thuế môn bài	-	23.000.000	23.000.000	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.953.194	-	-	2.953.194
Các loại thuế khác	<u>44.431.502.940</u>	<u>380.608.758.939</u>	<u>348.896.050.980</u>	<u>1.630.851.333</u>	<u>77.775.062.232</u>
	<u><b>380.221.008.972</b></u>	<u><b>1.573.139.925.696</b></u>	<u><b>1.552.538.419.930</b></u>	<u><b>5.142.908.854</b></u>	<u><b>405.965.423.592</b></u>
Trong đó:					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(398.421.840)				-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	380.619.430.812				405.965.423.592

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	884.883.386.106	976.915.331.976
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	311.290.634.334	208.848.542.364
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	548.064.301.782	250.183.903.716
Trích trước chi phí lãi vay	35.235.131.256	40.264.734.132
Các khoản khác	<u>77.144.735.904</u>	<u>77.695.666.632</u>
	<u><b>1.856.618.189.382</b></u>	<u><b>1.553.908.178.820</b></u>

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi kỳ căn cứ vào giá trị ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm trong tương lai cho các giàn khoan của Tổng Công ty.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận phải trả các bên BCC	158.073.660.606	158.851.229.364
Phải trả Petrovietnam - Nợ vay với Ngân hàng Standard Chartered đã thanh toán hộ cho PVD Deepwater theo Hợp đồng BCC	-	101.016.533.844
Các khoản phải trả khác	<u>53.731.523.546</u>	<u>47.220.603.072</u>
	<u><b>211.805.184.152</b></u>	<u><b>312.658.046.964</b></u>

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo quyết định của Tổng Công ty.

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay dài hạn	4.688.971.846.332	5.494.783.520.592
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	<u>(1.501.249.052.490)</u>	<u>(1.711.302.875.544)</u>
	<u><b>3.187.722.793.842</b></u>	<u><b>3.783.480.645.048</b></u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	451.635.825.192	588.139.134.542
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.994.750.333.142	2.216.947.794.972
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	366.493.500.000	604.785.000.000
MB và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	917.715.934.698	984.365.462.772
MBBank và OceanBank	326.367.943.218	350.070.542.436
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	629.241.592.224	747.626.451.930
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	<u>2.766.717.858</u>	<u>2.849.133.940</u>
	<u><b>4.688.971.846.332</b></u>	<u><b>5.494.783.520.592</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Chi tiết hợp đồng vay theo nguyên tệ:

Ngân hàng	Mục đích sử dụng vốn	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ 30/6/2014	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Giàn PV Drilling I	SIBOR 6 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh	5.124.051	USD
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	84.988.277	USD
BIDV	Giàn PV Drilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	8.900.000	USD
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling III	LIBOR 3 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh và giàn PV Drilling III	17.250.000	USD
MBBank và Vietinbank	Giàn PV Drilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	43.194.763	USD
SCB	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	9.000.000	USD
MBBank và OceanBank	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	15.361.383	USD
Vietcombank	Giàn PV Drilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	12.188.254	USD
SCB	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	20.616.944	USD
Vietcombank	Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên	Tiết kiệm 5 năm + 2%	Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm	1.527.350.298	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	17.094.130.541	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.149.984	USD
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.918.693	USD

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.501.249.050.129	1.711.302.875.544
Trong năm thứ hai	966.998.417.202	1.141.943.951.028
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.007.816.457.846	2.148.075.804.756
Sau năm năm	212.907.921.155	493.460.889.264
	<b>4.688.971.846.332</b>	<b>5.494.783.520.592</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ vay ngắn hạn)	<b>(1.501.249.052.490)</b>	<b>(1.711.302.875.544)</b>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>3.187.722.793.842</u></b>	<b><u>3.783.480.645.048</u></b>

002  
 NH  
 TY  
 HƯC  
 TT  
 NAA  
 10

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

**23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế.

Tình hình trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ/năm như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 VND
Tại ngày đầu kỳ/năm	551.976.478.032	325.704.431.648
Số trích lập trong kỳ/năm	165.493.585.959	224.625.921.217
Số quỹ đã sử dụng	(1.612.632.538)	(311.682.819)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	4.245.250.537	1.957.807.986
Tại ngày cuối kỳ/năm	<u>720.102.681.990</u>	<u>551.976.478.032</u>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 9, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 2.755.286.950.000 đồng. Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
Số cổ phần được duyệt	275.528.695	2.755.286.950.000	275.528.695	2.755.286.950.000
Số cổ phần đã phát hành				
Cổ phần phổ thông	235.528.695	2.355.286.950.000	235.528.695	2.355.286.950.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<u>275.528.695</u>	<u>2.755.286.950.000</u>	<u>275.528.695</u>	<u>2.755.286.950.000</u>
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phần phổ thông	(270.580)	(2.705.800.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
	<u>(270.580)</u>	<u>(2.705.800.000)</u>	<u>(270.580)</u>	<u>(2.705.800.000)</u>
Số cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	235.258.115	2.352.581.150.000	235.258.115	2.352.581.150.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<u>275.258.115</u>	<u>2.752.581.150.000</u>	<u>275.258.115</u>	<u>2.752.581.150.000</u>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là Petrovietnam hiện sở hữu 138.828.214 cổ phần tương ứng 50,44% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**  
 Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	673.496.144.515	554.469.675.707	262.334.956.772	2.030.031.173.478	6.992.136.471.376
Cổ tức công bố	250.204.800.000	-	-	-	-	-	(500.442.435.000)	(250.237.635.000)
Vốn góp	400.000.000.000	1.063.919.696.000	-	9.689.831.711	-	-	-	1.463.919.696.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	9.689.831.711
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	184.562.622.859	75.894.650.620	1.993.165.265.135	1.993.165.265.135
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	(521.121.577.535)	(260.664.304.056)
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(8.875.100.160)	(8.875.100.160)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(100.892.347.446)	(100.892.347.446)
Thương cõ phiếu quỹ	-	-	3.444.307.759	-	(3.444.307.759)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	683.185.976.226	735.587.990.807	338.229.607.392	2.891.864.978.472	9.838.241.877.560
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	120.377.910.760	-	-	-	120.377.910.760
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.385.303.425.950	1.385.303.425.950
Phân phối quỹ	-	-	-	-	133.523.644.300	9.867.797.950	(333.013.976.729)	(189.622.534.479)
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(3.878.525.650)	(3.878.525.650)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(53.522.437.021)	(53.522.437.021)
Tại ngày 30/6/2014	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	803.563.886.986	869.111.635.107	348.097.405.342	3.886.753.465.022	11.096.899.717.120

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được công bố định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2013 là 30% vốn điều lệ với 20% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Theo Thông báo số 533/PVD-TC ngày 11 tháng 8 năm 2014, Tổng Công ty sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 26 tháng 8 năm 2014 cho mục đích chi trả cổ tức năm 2013 trong tháng 9 năm 2014.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá từ việc quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) <u>VND</u>	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con <u>VND</u>	Tổng số <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	(1.892.121.031)	675.388.265.546	673.496.144.515
Phát sinh trong năm	<u>(5.452.876.645)</u>	<u>15.142.708.356</u>	<u>9.689.831.711</u>
Tại ngày 31/12/2013	(7.344.997.676)	690.530.973.902	683.185.976.226
Phát sinh trong kỳ	<u>2.105.168.400</u>	<u>118.272.742.360</u>	<u>120.377.910.760</u>
Tại ngày 30/6/2014	<u><u>(5.239.829.276)</u></u>	<u><u>808.803.716.262</u></u>	<u><u>803.563.886.986</u></u>

**25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

	<u>VND</u>	<u>Tương đương USD</u>
Vốn điều lệ của công ty con (PVD Training)	28.958.670.000	1.606.508
Trong đó:		
<i>Vốn phân bổ cho Tổng Công ty</i>	<i>14.996.960.000</i>	<i>831.970</i>
<i>Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số</i>	<u><i>13.961.710.000</i></u>	<u><i>774.538</i></u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u><u>48,21%</u></u>	<u><u>48,21%</u></u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	30/6/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Tổng tài sản	118.699.559.493	190.751.077.396
Tổng nợ phải trả	<u>(57.200.365.929)</u>	<u>(129.429.348.743)</u>
Tài sản thuần	<u><u>61.499.193.564</u></u>	<u><u>61.321.728.653</u></u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	28.958.670.000	28.958.670.000
Thặng dư vốn cổ phần	312.482.400	312.482.400
Các quỹ khác	9.385.111.224	8.178.412.575
Lợi nhuận chưa phân phối	<u><u>22.842.929.940</u></u>	<u><u>23.872.163.678</u></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>29.650.322.712</b>	<b>29.564.751.696</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.961.710.000	13.961.710.000
Thặng dư vốn cổ phần	150.655.698	150.655.698
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	-	(10.149.041)
Các quỹ khác	4.524.800.561	3.953.158.872
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>11.013.156.453</u>	<u>11.509.376.167</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh:		
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trong kỳ/năm	8.044.657.660	6.970.390.399
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>3.878.525.650</u>	<u>3.360.602.737</u>

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan (gọi tắt là "Dịch vụ khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại (gọi tắt là "Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác (gọi tắt là "Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	15.957.910.946.154	1.570.627.483.062	8.538.826.445.820	(2.993.014.952.880)	23.074.349.922.156
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất					<u>23.074.349.922.156</u>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	9.339.518.155.818	1.262.530.292.496	3.045.377.979.074	(1.699.626.545.064)	11.947.799.882.324
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>11.947.799.882.324</u>

125  
CHI N  
CƠN  
CHNH  
DEL  
VIỆT  
- TP.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu góp	6.249.686.459.950	802.869.207.750	3.461.467.999.250	(576.715.606.800)	9.937.308.060.150
Doanh thu thuần	6.249.686.459.950	802.869.207.750	3.461.467.999.250	(576.715.606.800)	9.937.308.060.150
Giá vốn hàng bán	4.805.073.732.800	766.957.402.550	2.697.041.585.550	(453.074.179.700)	7.815.998.541.200
Lợi nhuận gộp	1.444.612.727.150	35.911.805.200	764.426.413.700	(123.641.427.100)	2.121.309.518.950
Doanh thu hoạt động tài chính	9.887.374.450	2.808.027.900	590.001.398.500	(536.016.715.850)	66.680.085.000
Chi phí tài chính	133.212.841.050	5.888.800.650	30.362.014.800	(4.093.593.500)	165.370.063.000
Chi phí bán hàng	7.145.254.100	264.830.050	7.192.427.150	-	14.602.511.300
Chi phí quản lý doanh nghiệp	237.212.618.400	12.362.580.800	387.686.733.100	(123.390.005.900)	513.871.926.400
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.076.929.388.050	20.203.621.600	929.186.637.150	(532.174.543.550)	1.494.145.103.250
Thu nhập khác	18.718.817.750	445.354.850	14.719.233.550	-	33.883.406.150
Chi phí khác	2.745.151.550	461.289.700	8.149.381.200	-	11.355.822.450
Lợi nhuận/(lỗ) khác	15.973.666.200	(15.934.850)	6.569.852.350	-	22.527.583.700
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					173.331.551.900
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.092.903.054.250	20.187.686.750	935.756.489.500	(532.174.543.550)	1.690.004.238.850
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					305.517.910.750
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(817.097.850)
Lợi nhuận sau thuế					<u>1.385.303.425.950</u>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	14.990.634.982.680	1.366.671.034.164	8.050.593.676.332	(2.915.566.563.616)	21.492.333.129.560
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất					<u>21.492.333.129.560</u>
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	14.033.113.454.328	1.072.144.967.400	(1.889.643.369.900)	(1.591.088.551.524)	11.624.526.500.304
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>11.624.526.500.304</u>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu góp	4.603.179.490.315	418.365.137.856	2.083.419.630.864	(575.516.951.548)	6.529.447.307.487
Doanh thu thuần	4.603.179.490.315	418.365.137.856	2.083.419.630.864	(575.516.951.548)	6.529.447.307.487
Giá vốn hàng bán	3.395.789.670.622	396.059.948.817	1.576.504.411.728	(443.950.730.282)	4.924.403.300.885
Lợi nhuận gộp	1.207.389.819.693	22.305.189.039	506.915.219.136	(131.566.221.266)	1.605.044.006.602
Doanh thu hoạt động tài chính	8.333.670.691	9.173.076.667	164.803.664.922	(163.577.802.234)	18.732.610.046
Chi phí tài chính	160.793.301.633	6.555.203.235	33.695.100.726	(10.182.276.124)	190.861.329.470
Chi phí bán hàng	4.607.650.552	53.806.473	4.734.594.666	-	9.396.051.691
Chi phí quản lý doanh nghiệp	204.567.065.089	14.744.952.547	291.587.734.349	(131.317.415.802)	379.582.336.183
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	845.755.473.110	10.124.303.451	341.701.454.317	(153.644.331.574)	1.043.936.899.304
Thu nhập khác	5.532.692.769	861.403.512	14.613.550.599	-	21.007.646.880
Chi phí khác	151.337.215	943.186.018	5.316.133.693	-	6.410.656.926
Lợi nhuận/(lỗ) khác	5.381.355.554	(81.782.506)	9.297.416.906	-	14.596.989.954
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					18.439.892.834
Lợi nhuận kế toán trước thuế	851.136.828.664	10.042.520.945	350.998.871.223	(153.644.331.574)	1.076.973.782.092
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					136.217.866.890
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					947.310.556
Lợi nhuận sau thuế					<u>939.808.604.646</u>

002  
NH  
TY  
HUU  
TE  
AM  
SCH

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	749.669.690.100	146.465.046.962
Chi phí nhân công	1.798.634.784.650	1.361.427.669.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	530.600.108.800	522.916.218.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.033.638.995.250	2.365.711.010.688
Chi phí khác	464.971.997.550	520.801.788.666
Giá vốn thương mại	766.957.402.550	396.059.954.265
	<b>8.344.472.978.900</b>	<b>5.313.381.688.759</b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.538.520.100	10.869.344.997
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.141.564.900	7.863.265.049
	<b>66.680.085.000</b>	<b>18.732.610.046</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	79.166.650.300	121.977.545.318
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	27.947.832.400	32.769.350.255
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	56.114.732.150	27.696.335.163
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.397.946.100	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(17.661.939.350)	-
Chi phí tài chính khác	6.404.841.400	8.418.098.734
	<b>165.370.063.000</b>	<b>190.861.329.470</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.690.004.238.850	1.076.973.782.092
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
Thu nhập không chịu thuế	(537.500.319.850)	(148.244.165.627)
Chi phí thực hiện từ nguồn trích của năm trước	-	(880.213.905)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	21.201.244.250	1.600.279.082
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.173.705.163.250</b>	<b>929.449.681.642</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	305.481.473.200	143.064.266.674
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	36.437.550	(6.846.399.784)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>305.517.910.750</b>	<b>136.217.866.890</b>

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành 22% , ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 22% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến năm 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến năm 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và năm 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 22% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
  - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 22% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
  - Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 22% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD Deepwater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V. PVD Deepwater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	1.327.902.463.279	872.576.147.818
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.327.902.463.279	872.576.147.818
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	275.258.115	235.180.215
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.824</b>	<b>3.710</b>

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 do Tổng Công ty đã phát hành 25.020.480 cổ phần trong tháng 12 năm 2013 để thanh toán 10% cổ tức năm 2012 như sau:

	Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	210.159.735	4.152
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phần chi trả cổ tức trong năm 2013	25.020.480	(442)
<b>Số liệu trình bày lại</b>	<b>235.180.215</b>	<b>3.710</b>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã công bố việc chuyển đổi cổ phiếu quỹ thành cổ phiếu thường cho nhân viên, thu hồi cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ và phát hành thêm cổ phần để thanh toán 10% cổ tức năm 2013 như trình bày tại Thuyết minh số 24, theo đó dự kiến số cổ phần sẽ được phát hành thêm là 27.549.224 cổ phần. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	1.327.902.463.279	872.576.147.818
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.327.902.463.279	872.576.147.818
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	275.258.115	235.180.215
Số cổ phần dự kiến phát hành thêm	27.549.224	27.549.224
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>4.385</b>	<b>3.321</b>

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay và nợ	4.790.865.558.978	5.612.948.580.600
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>2.717.348.407.743</u>	<u>2.597.616.954.888</u>
Nợ thuần	2.073.517.151.235	3.015.331.625.712
Vốn chủ sở hữu	<u>11.096.899.717.120</u>	<u>9.838.241.877.560</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>19%</u>	<u>31%</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.717.348.407.743	2.597.616.954.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.155.065.362.064	4.038.187.246.692
Các khoản đầu tư khác	169.232.990.397	35.779.122.672
Các khoản ký quỹ, ký cược	24.948.880.356	30.027.963.277
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>8.066.595.640.560</u></b>	<b><u>6.701.611.287.529</u></b>
Các khoản vay và nợ	4.790.865.558.978	5.612.948.580.600
Phải trả người bán và phải trả khác	3.107.203.130.838	2.450.152.869.936
Chi phí phải trả	<u>1.856.618.189.382</u>	<u>1.553.908.178.820</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>9.754.686.879.198</u></b>	<b><u>9.617.009.629.356</u></b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
USD (các công ty con)	1.627.650.804.180	4.471.336.630.650	805.568.562.101	1.562.834.489.467
VND (Công ty Mẹ)	43.576.538.028	331.097.893.827	1.567.316.786.317	2.391.902.719.408
DZD	22.441.191.622	17.310.581.845	115.981.686.215	53.341.575.481
SGD	10.485.155.315	13.441.657.219	443.593.957	360.294.652
EUR	516.778.140	5.828.036.801	177.307.856	176.696.720
Norwegian krone (NOK)	32.373.265	74.818.057	-	-
GBP	2.114.297.321	1.337.941.977	313.853.491	247.354.541
AUD	35.834.120	617.590.465	-	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ (2%)	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty mẹ	30.474.794.988	41.216.087.232
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	16.441.644.842	58.170.042.824
<b>Tăng/giảm lợi nhuận hợp nhất</b>	<b>14.033.150.146</b>	<b>16.953.955.592</b>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi****Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 13.915.334.050 đồng (kỳ 6 tháng năm 2013: 19.217.141.652 đồng).

***Quản lý rủi ro về giá***

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh. Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.717.348.407.743	-	-	2.717.348.407.743
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.155.065.362.064	-	-	5.155.065.362.064
Các khoản đầu tư khác	158.877.396.786	10.355.593.611	-	169.232.990.397
Các khoản ký quỹ, ký cược	7.555.141.338	17.393.739.018	-	24.948.880.356
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.038.846.307.931</b>	<b>27.749.332.629</b>	<b>-</b>	<b>8.066.595.640.560</b>
Các khoản vay và nợ	1.603.142.765.136	2.974.814.779.440	212.908.014.402	4.790.865.558.978
Phải trả người bán và phải trả khác	3.107.203.130.838	-	-	3.107.203.130.838
Chi phí phải trả	1.856.618.189.382	-	-	1.856.618.189.382
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.566.964.085.356</b>	<b>2.974.814.779.440</b>	<b>212.908.014.402</b>	<b>9.754.686.879.198</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.471.882.222.575</b>	<b>(2.947.065.446.811)</b>	<b>(212.908.014.402)</b>	<b>(1.688.091.238.638)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.597.616.954.888	-	-	2.597.616.954.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.038.187.246.692	-	-	4.038.187.246.692
Các khoản đầu tư khác	20.000.000.000	9.979.120.788	5.800.001.884	35.779.122.672
Các khoản ký quỹ, ký cược	14.036.375.041	15.991.588.236	-	30.027.963.277
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.669.840.576.621</b>	<b>25.970.709.024</b>	<b>5.800.001.884</b>	<b>6.701.611.287.529</b>
Các khoản vay và nợ	1.829.467.935.552	3.290.019.755.784	493.460.889.264	5.612.948.580.600
Phải trả người bán và phải trả khác	2.450.152.869.936	-	-	2.450.152.869.936
Chi phí phải trả	1.553.908.178.820	-	-	1.553.908.178.820
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.833.528.984.308</b>	<b>3.290.019.755.784</b>	<b>493.460.889.264</b>	<b>9.617.009.629.356</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>836.311.592.313</b>	<b>(3.264.049.046.760)</b>	<b>(487.660.887.380)</b>	<b>(2.915.398.341.827)</b>

**33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

**34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ	23.545.498.550	20.374.655.283

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	43.799.478.840	45.227.421.036
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	46.472.183.148	59.137.265.676
Sau năm năm	48.050.675.964	37.925.005.032
	<b>138.322.337.952</b>	<b>142.289.691.744</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Thời gian thuê được thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 01 năm đến 38 năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam  
 Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng  
 phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam

**Mối quan hệ**

Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam  
 Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	309.049.630.106	2.146.413.019.966
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>6.049.535.006.928</u>	<u>1.325.241.032.816</u>
<b>Mua hàng</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	214.034.550.171	97.959.712.405
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>196.999.386.116</u>	<u>72.381.164.249</u>
<b>Vay từ PVCombank</b>		
Lãi vay đã trả	-	250.321.441
Nhận nợ vay trong kỳ	8.590.968.822	-
Hoàn trả nợ gốc trong kỳ	<u>-</u>	<u>29.059.077.600</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lương	2.145.689.650	2.672.641.440
Tiền thưởng	661.917.250	2.003.434.272
Các khoản phúc lợi khác	90.009.800	141.699.264
	<u>2.897.616.700</u>	<u>4.817.774.976</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	134.788.837.460	721.930.781.664
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>2.616.131.195.303</u>	<u>912.676.773.192</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	29.904.921.142	101.467.671.900
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>135.823.887.777</u>	<u>2.271.425.208</u>
<b>Các khoản vay phải trả</b>		
PVCombank	<u>8.590.968.822</u>	-
<b>Phải trả khác</b>		
Petrovietnam	<u>378.776.832.408</u>	<u>476.437.653.516</u>

**36. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 26 tháng 8 năm 2014.



*[Signature]*  
**Phạm Tiên Dũng**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

*[Signature]*  
**Hồ Ngọc Yến Phương**  
 Phó Tổng Giám đốc

*[Signature]*  
**Đoàn Đắc Tùng**  
 Kế toán trưởng

*[Signature]*  
**Trần Kim Hoàng**  
 Người lập biểu



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ  
KHOAN DẦU KHÍ**

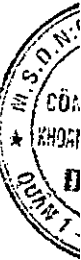
*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 40



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Đinh Thị Thái	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014)
Bà Phạm Thị An Bình	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014)
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

Số: *ISA* /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (được gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 26 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 40. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



*[Signature]*  
Nguyễn Quang Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 26 tháng 8 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1144-2013-001-1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: USD

TÀI SẢN	Mã Thuyết		Đơn vị tính: USD	
	số	minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>447.963.324</b>	<b>378.750.385</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>127.917.224</b>	<b>123.484.358</b>
1. Tiền	111		72.966.608	44.703.507
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.950.616	78.780.851
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>7.477.991</b>	<b>950.751</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.477.991	950.751
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>248.609.348</b>	<b>198.920.137</b>
1. Phải thu khách hàng	131		234.346.965	185.690.113
2. Trả trước cho người bán	132		5.972.364	6.954.590
3. Các khoản phải thu khác	135	6	8.537.234	6.512.376
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(247.215)	(236.942)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>53.647.245</b>	<b>49.615.381</b>
1. Hàng tồn kho	141		53.692.927	49.664.325
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(45.682)	(48.944)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.311.516</b>	<b>5.779.758</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.681.725	3.119.183
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.579.737	1.596.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	18.940
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.050.054	1.045.095
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)</b>	<b>200</b>		<b>638.092.871</b>	<b>642.942.576</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>571.267.807</b>	<b>593.383.903</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	561.393.761	585.360.499
- Nguyên giá	222		783.996.104	783.562.897
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.602.343)	(198.202.398)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	9.723.535	7.184.461
- Nguyên giá	228		13.001.618	10.115.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.278.083)	(2.930.539)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	150.511	838.943
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>64.881.507</b>	<b>45.514.561</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	11	64.412.023	44.764.460
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	469.484	1.589.148
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	-	(839.047)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.883.839</b>	<b>3.972.450</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.030.969	3.212.249
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	34.187	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		818.683	760.201
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>16</b>	<b>59.718</b>	<b>71.662</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.086.056.195</b>	<b>1.021.692.961</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: USD

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		30/6/2014	31/12/2013
	số	minh		
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>562.355.261</b>	<b>552.601.564</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>355.806.343</b>	<b>321.585.443</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	75.456.216	86.968.432
2. Phải trả người bán	312		136.436.621	101.784.992
3. Người mua trả tiền trước	313		3.296.332	5.139.409
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	19.107.852	18.093.717
5. Phải trả người lao động	315		10.416.769	9.564.234
6. Chi phí phải trả	316	19	87.386.717	73.868.995
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	9.969.179	14.862.999
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	4.816.131	4.828.397
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.920.526	6.474.268
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>206.548.918</b>	<b>231.016.121</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	12	22.600.015	24.864.354
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	150.038.727	179.857.418
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	-	4.903
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		16.611	49.834
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	23	33.893.565	26.239.612
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>522.305.362</b>	<b>467.685.961</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>522.305.362</b>	<b>467.685.961</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.114.675	148.114.675
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.400.152	127.400.152
3. Cổ phiếu quỹ	414		(629.308)	(629.308)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(7.724.098)	(8.268.443)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.958.374	37.615.208
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.843.962	17.375.183
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		193.341.605	146.078.494
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>25</b>	<b>1.395.572</b>	<b>1.405.436</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.086.056.195</b>	<b>1.021.692.961</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	12.478	507.482
2. Ngoại tệ các loại		
Đồng Việt Nam ("VND")	1.592.622.177.927	2.044.671.772.314
Euro ("EUR")	6.114	6.114
Bảng Anh ("GBP")	8.698	8.238
Dinars Algeria ("DZD")	48.420.481	64.744.136
Đô la Singapore ("SGD")	26.343	19.751



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị tính: USD

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	số	minh	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	472.081.143	313.448.577
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	26	472.081.143	313.448.577
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	371.306.344	236.397.835
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		100.774.799	77.050.742
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	3.167.700	899.266
6. Chi phí tài chính	22	29	7.856.060	9.162.370
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.760.886	5.855.578
7. Chi phí bán hàng	24		693.706	451.061
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.411.968	18.221.993
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-(21-22)-(24+25))	30		70.980.765	50.114.584
10. Thu nhập khác	31		1.609.663	1.008.480
11. Chi phí khác	32		539.469	307.746
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.070.194	700.734
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	45	11	8.234.278	885.214
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		80.285.237	51.700.532
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	14.513.915	6.539.190
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	(38.817)	45.476
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		65.810.139	45.115.866
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	25	184.253	161.327
- Lợi ích của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh	62	12	2.542.634	3.066.192
- Cổ đông của Tổng Công ty	63		63.083.252	41.888.347
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	<u>0.23</u>	<u>0.18</u>



Phạm Liên Dũng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

*(Handwritten signature)*

Hồ Ngọc Yên Phương  
 Phó Tổng Giám đốc

*(Handwritten signature)*

Đoàn Đắc Tùng  
 Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*

Trần Kim Hoàng  
 Người lập biểu

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	80.285.237	51.700.532
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.206.656	24.916.582
Các khoản dự phòng	03	(832.036)	(109.656)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.327.688	1.573.105
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.867.030)	(1.406.195)
Chi phí lãi vay	06	3.760.886	5.855.578
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	99.881.401	82.529.946
Thay đổi các khoản phải thu	09	(47.586.976)	14.359.867
Thay đổi hàng tồn kho	10	(4.028.602)	(4.473.317)
Thay đổi các khoản phải trả	11	42.966.380	(8.194.982)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.381.262)	(1.347.008)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.016.537)	(5.310.821)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.846.865)	(6.473.708)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.606.893)	(4.127.122)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69.380.646	66.962.855
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.791.597)	(5.203.599)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	362	12.433
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.054.382)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	522.565	-
5. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(20.099.342)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	299.847	186.636
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.292.808	1.464.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.829.739)	(3.539.763)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	-	38.693.668
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.015.857	19.184.631
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(49.166.538)	(61.922.433)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(41.150.681)	(4.044.134)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong kỳ (50=20+30+40)	50	4.400.226	59.378.958
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	123.484.358	51.265.059
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	32.640	416.260
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70=50+60+61)	70	<u>127.917.224</u>	<u>111.060.277</u>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm số tiền 922.278 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 712.117 Đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định trên đã bao gồm 853.100 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 2.869.950 Đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua trong kỳ trước được thanh toán trong kỳ này.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 7.226.923 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 964.735 Đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ đã bao gồm số tiền 5.566.769 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 1.022.162 Đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của kỳ trước đã thu trong kỳ này.

Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 1.045.141 Đô la Mỹ là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán qua hình thức cắt trừ công nợ.



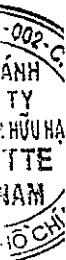
*[Signature]*  
Phạm Tiên Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

*[Signature]*  
Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

*[Signature]*  
Đoàn Đức Tùng  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Công ty mẹ”), 6 công ty con và 7 công ty liên doanh, cụ thể như sau:

#### Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 9 ngày 20 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty mẹ được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Petrovietnam”).

Công ty mẹ có 2 Xí nghiệp trực thuộc và 1 Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Invest”) được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

#### Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 3 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là “PVD Deepwater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deepwater được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là “BCC”) bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MBBank”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OceanBank”) để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là “TAD” hay “PV Drilling V”). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 16.

#### Công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling (gọi tắt là “BJ-PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là “PVD-Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Liên doanh PV Drilling Overseas (gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại 10 Anson Road #22-14 International Plaza Singapore. Tổng vốn điều lệ đăng ký tối đa là 70 triệu Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại Công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan.

Theo Nghị quyết số 01/02/2014/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty quyết định tăng tỷ lệ sở hữu trong Liên doanh PVD Overseas từ 55% lên 80% trong năm nay. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc tăng vốn đầu tư vào PVD Overseas.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Tinh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng, tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, gọi tắt là "PVD-Expro") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Expro đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD-Expro là 4 triệu Đô la Mỹ, trong đó PVD Logging nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Vietubes (gọi tắt là "Vietubes"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tinh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012 với vốn điều lệ của Vietubes là 77.297.205.000 đồng, tương đương 3.707.300 Đô la Mỹ. Trụ sở đăng ký của Vietubes đặt tại Số 1, Đường 11, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech-Oil States Industries (gọi tắt là "PVD-OSI"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tinh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PVD-OSI đặt tại Đường số 11, Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vốn điều lệ của PVD-OSI là 105.000.000.000 đồng, tương đương 5 triệu Đô la Mỹ, PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty này.

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ ("USD"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ Đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

30  
7  
31  
HÀ  
A  
1  
22-C...  
H  
Y  
JUHAN  
TE  
M  
CHIA



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

19512  
NG  
CỔ PH  
H VỤ KI  
KHÍ  
TỔNG C

M.S.C.M.Đ.P  
TR  
QUẢN

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Tổng Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tổng Công ty là bên đi thuê*

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cô phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và chi phí duy tu bảo dưỡng giàn khoan, phát sinh trong kỳ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 năm đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được Tổng Công ty trích trước hàng kỳ căn cứ vào chu kỳ sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm 1 lần theo yêu cầu đặc thù và kỹ thuật để đảm bảo duy trì hoạt động tiếp tục của các giàn khoan.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Đề hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

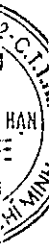
Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền mặt	241.297	207.669
Tiền gửi ngân hàng	72.725.311	44.495.838
Các khoản tương đương tiền	54.950.616	78.780.851
	<u>127.917.224</u>	<u>123.484.358</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

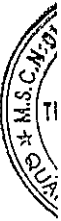
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng đến một năm.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Phải thu chi phí trả hộ từ Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật		
Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	76.107	75.927
Phải thu chi phí trả hộ từ Công ty Liên doanh PV Drilling		
Overseas	109.940	39.885
Phải thu lãi tiền gửi	430.122	691.838
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	6.796.801	4.874.931
Các khoản phải thu khác	1.124.264	829.795
	<u>8.537.234</u>	<u>6.512.376</u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Hàng mua đang đi đường	25.554	4.500.082
Nguyên liệu, vật liệu	31.570.903	27.325.164
Công cụ, dụng cụ	122.396	99.893
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.485.996	753.797
Hàng hoá	19.729.836	15.627.738
Hàng gửi đi bán	758.242	1.357.651
	<u>53.692.927</u>	<u>49.664.325</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(45.682)	(48.944)
	<u>53.647.245</u>	<u>49.615.381</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc USD	Máy móc và thiết bị USD	Thiết bị văn phòng USD	Phương tiện vận tải USD	Tài sản khác USD	Tổng USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	15.968.951	761.800.564	2.240.332	3.498.685	54.365	783.562.897
Phân loại lại	42.203	(24.356)	569.520	(582.045)	(5.322)	-
Tăng trong kỳ	27.402	1.389.378	114.833	67.992	-	1.599.605
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	410.092	628.375	-	-	-	1.038.467
Thanh lý	-	(3.054)	(65.256)	-	-	(68.310)
Giảm khác	-	-	(19.027)	-	-	(19.027)
Chênh lệch tỷ giá	(31.496)	(2.068.777)	(6.624)	(10.631)	-	(2.117.528)
Tại ngày 30/6/2014	<u>16.417.152</u>	<u>761.722.130</u>	<u>2.833.778</u>	<u>2.974.001</u>	<u>49.043</u>	<u>783.996.104</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	4.175.293	189.874.860	1.595.289	2.527.860	29.096	198.202.398
Phân loại lại	17.749	(41.069)	496.330	(473.010)	-	-
Khấu hao trong kỳ	438.348	24.139.344	133.089	179.599	6.130	24.896.510
Thanh lý	-	(1.620)	(65.256)	-	-	(66.876)
Giảm khác	-	-	(18.398)	-	-	(18.398)
Chênh lệch tỷ giá	(8.597)	(391.739)	(4.146)	(6.809)	-	(411.291)
Tại ngày 30/6/2014	<u>4.622.793</u>	<u>213.579.776</u>	<u>2.136.908</u>	<u>2.227.640</u>	<u>35.226</u>	<u>222.602.343</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2014	<u>11.794.359</u>	<u>548.142.354</u>	<u>696.870</u>	<u>746.361</u>	<u>13.817</u>	<u>561.393.761</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>11.793.658</u>	<u>571.925.704</u>	<u>645.043</u>	<u>970.825</u>	<u>25.269</u>	<u>585.360.499</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng Đồng Việt Nam và Dinars Algeria sang Đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản là giàn PV Drilling II, PV Drilling III, PV Drilling V và các máy móc thiết bị đang sử dụng tại PVD Well và PVD Tech với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 471.834.991 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 490.080.752 Đô la Mỹ) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị là 10.534.692 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 8.972.602 Đô la Mỹ).

Khấu hao tài sản cố định hữu hình trong kỳ bao gồm 48.493 Đô la Mỹ là hao mòn tài sản cố định đầu tư, mua sắm bằng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ (kỳ 6 tháng năm 2013: 0 Đô la Mỹ).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm máy tính USD	Tài sản vô hình khác USD	Tổng USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	6.121.918	2.390.306	1.602.776	10.115.000
Tăng trong kỳ	2.623.660	287.475	-	2.911.135
Chênh lệch tỷ giá	(24.204)	(313)	-	(24.517)
Tại ngày 30/6/2014	<u>8.721.374</u>	<u>2.677.468</u>	<u>1.602.776</u>	<u>13.001.618</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	595.939	1.304.574	1.030.026	2.930.539
Khấu hao trong kỳ	66.366	141.511	139.881	347.758
Chênh lệch tỷ giá	(133)	(81)	-	(214)
Tại ngày 30/6/2014	<u>662.172</u>	<u>1.446.004</u>	<u>1.169.907</u>	<u>3.278.083</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2014	<u>8.059.202</u>	<u>1.231.464</u>	<u>432.869</u>	<u>9.723.535</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.525.979</u>	<u>1.085.732</u>	<u>572.750</u>	<u>7.184.461</u>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	30/6/2014 USD	31/12/2013 USD
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	-	8.176
Mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản khác	150.511	830.767
	<u>150.511</u>	<u>838.943</u>

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư 30/6/2014 USD	31/12/2013 USD
BJ-PVD	5.000.000	49	2.450.000	2.399.255	2.399.255
PVD-Expro	4.000.000	51	2.040.000	2.040.000	2.040.000
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.785.000	1.450.655	1.785.000
PVD-Baker Hughes	20.000.000	51	10.200.000	10.200.000	10.200.000
Vietubes	3.707.300	51	1.890.723	4.159.922	4.159.922
PVD Overseas	70.000.000	55	38.500.000	38.564.000	19.182.000
PVD-OSI	<u>5.000.000</u>	51	<u>2.550.000</u>	<u>2.550.000</u>	<u>2.550.000</u>

2500  
NH  
NQ  
HIỆN  
CƠ  
T W  
TP. H

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu các khoản đầu tư tại các công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
BJ-PVD	3.042.045	3.374.672
PVD-Expro	3.152.122	3.095.575
PVD Tubulars	2.127.993	1.785.000
PVD-Baker Hughes	10.200.000	10.200.000
Vietubes	4.515.589	4.486.272
PVD Overseas	38.564.000	19.182.000
PVD-OSI	2.810.274	2.640.941
	<u><u>64.412.023</u></u>	<u><u>44.764.460</u></u>

Biến động giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong kỳ như sau:

	Tại ngày 01/01/2014	Góp vốn trong kỳ	Lợi nhuận được chia	Phân bổ lợi thế thương mại	Lợi nhuận đã nhận	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	Tại ngày 30/6/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
BJ-PVD	3.374.672	-	605.074	-	(931.066)	(6.635)	3.042.045
PVD-Expro	3.095.575	717.342	838.072	-	(1.054.873)	(443.994)	3.152.122
PVD Tubulars	1.785.000	-	683.646	-	-	(340.653)	2.127.993
PVD-Baker Hughes	10.200.000	-	5.778.658	-	(5.778.658)	-	10.200.000
Vietubes	4.486.272	-	174.757	(61.622)	-	(83.818)	4.515.589
PVD Overseas	19.182.000	19.382.000	-	-	-	-	38.564.000
PVD-OSI	2.640.941	-	215.693	-	-	(46.360)	2.810.274
	<u><u>44.764.460</u></u>	<u><u>20.099.342</u></u>	<u><u>8.295.900</u></u>	<u><u>(61.622)</u></u>	<u><u>(7.764.597)</u></u>	<u><u>(921.460)</u></u>	<u><u>64.412.023</u></u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của PVD-Baker Hughes cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 vẫn chưa chính thức được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh, phần lợi nhuận của Tổng Công ty trong Công ty liên doanh vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

Chi tiết khoản đầu tư vào Vietubes trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và trong năm 2013 như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Khoản vốn góp vào liên doanh	5.346.158	5.346.158
Lợi nhuận được chia của giai đoạn trước đầu tư	(1.186.236)	(1.186.236)
<b>Giá trị thuần của khoản đầu tư</b>	<b>4.159.922</b>	<b>4.159.922</b>
<i>Trong đó: Phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại liên doanh</i>	<i>2.927.481</i>	<i>2.927.481</i>
<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>1.232.441</i>	<i>1.232.441</i>
<b>Lợi nhuận được chia</b>	<b>355.667</b>	<b>326.350</b>
<i>Trong đó: Lợi nhuận được chia đầu kỳ/năm</i>	<i>326.350</i>	<i>442.130</i>
<i>Lợi nhuận được chia trong kỳ/năm</i>	<i>174.757</i>	<i>332.664</i>
<i>Lợi nhuận đã nhận trong kỳ/năm</i>	<i>-</i>	<i>(321.711)</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>(83.818)</i>	<i>(3.489)</i>
<i>Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ/năm</i>	<i>(61.622)</i>	<i>(123.244)</i>
<b>Giá trị khoản đầu tư cuối kỳ/năm</b>	<b><u><u>4.515.589</u></u></b>	<b><u><u>4.486.272</u></u></b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***12. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC**

Tổng Công ty cùng với Petrovietnam, Ngân hàng TMCP Quân đội (gọi tắt là “MBBank”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (gọi tắt là “OceanBank”) hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan “TAD” hay giàn khoan “PV Drilling V”) với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ góp %
Phần vốn góp của Petrovietnam	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty	62,43
Phần vốn góp của MBBank	9,71
Phần vốn góp của OceanBank	4,86

Tình hình tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2014 USD	31/12/2013 USD
Tổng tài sản	194.555.220	204.124.525
<i>Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV Drilling V</i>	<u>158.943.454</u>	<u>167.061.548</u>

Phần vốn thực góp của đối tác trong BCC bao gồm Petrovietnam, MBBank và OceanBank nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan TAD được ghi nhận là phải trả dài hạn khác. Số dư khoản phải trả dài hạn khác này tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	30/6/2014 USD	31/12/2013 USD
Petrovietnam	14.491.854	14.491.854
MBBank	6.915.000	6.915.000
OceanBank	3.457.500	3.457.500
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	<u>(2.264.339)</u>	-
	<u><u>22.600.015</u></u>	<u><u>24.864.354</u></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Doanh thu	37.993.735	37.627.678
Giá vốn	24.119.508	20.724.564
Chi phí quản lý	4.616.408	4.759.574
Chi phí tài chính	3.322.956	4.541.529
Doanh thu tài chính	392.245	95.449
Lợi nhuận khác	123.486	39.206
Lợi nhuận thuần	6.450.594	7.736.666
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	317.129	424.612
Lợi nhuận phân phối cho liên doanh	6.767.723	8.161.278
<i>Phân chia theo tỷ lệ vốn góp</i>		
Tổng Công ty	3.907.960	4.670.474
Các bên BCC:	2.542.634	3.066.192
<i>Petrovietnam</i>	1.556.576	1.877.094
<i>MBBank</i>	657.146	792.460
<i>OceanBank</i>	328.912	396.638

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	1.114.765
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	469.484	474.383
	469.484	1.589.148
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(839.047)
	469.484	750.101

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là "Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	-	1.335.249
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	-	124.831
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling V	509.538	826.066
Chi phí trả trước dài hạn khác	521.431	926.103
	1.030.969	3.212.249

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***15. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2013	231.930	80.566	312.496
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(296.868)	(19.630)	(316.498)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(926)	25	(901)
Tại ngày 31/12/2013	(65.864)	60.961	(4.903)
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	38.817	38.817
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(77)	350	273
Tại ngày 30/6/2014	<u>(65.941)</u>	<u>100.128</u>	<u>34.187</u>

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	30/6/2014				31/12/2013			
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư USD
PVD Offshore	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822
PVD Well	100	80.000.000.000	4.081.469	4.081.469	100	80.000.000.000	4.081.469	4.081.469
PVD Logging	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959
PVD Tech	100	200.000.000.000	10.324.805	10.324.805	100	200.000.000.000	10.324.805	10.324.805
PVD Training	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066
PVD DeepWater	100	764.000.000.000	39.692.090	39.692.090	100	764.000.000.000	39.692.090	39.692.090
			<u>63.825.212</u>				<u>63.825.211</u>	

Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Tổng Công ty góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng, tương đương 388.501 Đô la Mỹ. Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 Đô la Mỹ.

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong kỳ như sau:

	Lợi thế thương mại USD
Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 01/01/2014 và 30/6/2014	<u>238.874</u>
<b>GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	167.212
Phân bổ trong kỳ	<u>11.944</u>
Tại ngày 30/6/2014	<u>179.156</u>
<b>GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2014	<u>59.718</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>71.662</u>

11250  
CHI N  
CÔN  
CH NH  
ĐEL  
VIỆT  
/ - T/

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vay ngắn hạn	4.795.901	5.617.278
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	70.660.315	81.351.154
	<u><u>75.456.216</u></u>	<u><u>86.968.432</u></u>

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	1.270.861	3.590.119
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	923.327	2.017.614
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam ("PVCcombank")	404.357	-
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	2.187.406	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	9.950	9.545
	<u><u>4.795.901</u></u>	<u><u>5.617.278</u></u>

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

	<u>Công ty</u>	<u>Hạn mức tín dụng</u>	<u>Đơn vị tiền tệ</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	PVD Tech	60.000.000.000	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	PVD Tech	2.832.439	USD
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	PVD Tech	2.000.000	USD
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	PVD Tech	2.800.406	USD
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	PVD Offshore	20.000.000.000	VND

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Thuế giá trị gia tăng	5.660.795	10.193.098
Thuế xuất nhập khẩu	1.699	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.919.572	3.294.959
Thuế thu nhập cá nhân	1.864.955	2.493.495
Thuế tiêu thụ đặc biệt	139	-
Các loại thuế khác	3.660.692	2.112.165
	<u><u>19.107.852</u></u>	<u><u>18.093.717</u></u>

002-  
 ANH  
 TY  
 HUU H  
 TTE  
 NAM  
 HO CH

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước trong kỳ của Tổng Công ty như sau:

	Tại ngày		Chênh lệch tỷ giá		Tại ngày	
	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	do chuyển đổi	30/6/2014	
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	10.193.098	26.209.282	30.726.691	(14.894)	5.660.795	
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.473.180	1.471.481	-	1.699	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.276.019	14.513.915	9.846.865	(23.497)	7.919.572	
Thuế thu nhập cá nhân	2.493.495	14.454.344	15.079.100	(3.784)	1.864.955	
Thuế môn bài	-	1.094	1.094	-	-	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	139	-	-	139	
Các loại thuế khác	2.112.165	18.081.177	16.526.752	(5.898)	3.660.692	
	<u>18.074.777</u>	<u>74.733.131</u>	<u>73.651.983</u>	<u>(48.073)</u>	<u>19.107.852</u>	
Trong đó:						
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(18.940)				-	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18.093.717				19.107.852	

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	41.649.411	46.440.166
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	14.651.729	9.928.149
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	25.796.117	11.893.131
Trích trước chi phí lãi vay	1.658.436	1.914.087
Các khoản khác	3.631.024	3.693.462
	<u>87.386.717</u>	<u>73.868.995</u>

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi kỳ căn cứ vào giá trị ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm trong tương lai cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Lợi nhuận phải trả các bên BCC	7.440.161	7.551.399
Phải trả Petrovietnam - Nợ vay với Ngân hàng Standard	-	4.802.079
Chartered đã thanh toán hộ cho PVD Deepwater theo Hợp đồng BCC		
Các khoản phải trả khác	2.529.018	2.509.521
	<u>9.969.179</u>	<u>14.862.999</u>

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo quyết định của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Các khoản vay dài hạn	220.699.042	261.208.572
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	<u>(70.660.315)</u>	<u>(81.351.154)</u>
	<u><b>150.038.727</b></u>	<u><b>179.857.418</b></u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	21.257.452	27.958.696
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	93.888.277	105.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	17.250.000	28.750.000
MBBank và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	43.194.763	46.794.327
MBBank và OceanBank	15.361.383	16.641.498
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	29.616.944	35.540.333
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	130.223	135.441
	<u><b>220.699.042</b></u>	<u><b>261.208.572</b></u>

Chi tiết hợp đồng vay theo nguyên tệ:

Ngân hàng	Mục đích sử dụng vốn	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ 30/6/2014	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Giàn PV Drilling I	SIBOR 6 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh	5.124.051	USD
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	84.988.277	USD
BIDV	Giàn PV Drilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	8.900.000	USD
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling III	LIBOR 3 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh và giàn PV Drilling III	17.250.000	USD
MBBank và Vietinbank	Giàn PV Drilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	43.194.763	USD
SCB	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	9.000.000	USD
MBBank và OceanBank	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	15.361.383	USD
Vietcombank	Giàn PV Drilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	12.188.254	USD
SCB	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	20.616.944	USD
Vietcombank	Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại Khu Công nghiệp Đồng Xuyên	Tiết kiệm 5 năm + 2%	Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm	1.527.350.298	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	17.094.130.541	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.149.984	USD
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.918.693	USD

01/07/2014  
 CH  
 C  
 CH  
 DE  
 VI  
 /-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Trong vòng một năm	70.660.315	81.351.154
Trong năm thứ hai	45.514.375	54.285.223
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	94.503.265	102.114.271
Sau năm năm	10.021.087	23.457.924
	<b>220.699.042</b>	<b>261.208.572</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ vay ngắn hạn)	<b>(70.660.315)</b>	<b>(81.351.154)</b>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>150.038.727</b>	<b>179.857.418</b>

**23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế.

Tình hình trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ/năm như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
	USD	USD
Tại ngày đầu kỳ/năm	26.239.612	15.637.816
Số trích lập trong kỳ/năm	7.861.928	10.697.628
Số quỹ đã sử dụng	(76.298)	(14.779)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính	<b>(131.677)</b>	<b>(81.053)</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ/năm</b>	<b>33.893.565</b>	<b>26.239.612</b>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 9, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 2.755.286.950.000 đồng. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
<b>Số cổ phần được duyệt</b>	<b>275.528.695</b>	<b>2.755.286.950.000</b>	<b>275.528.695</b>	<b>2.755.286.950.000</b>
<b>Số cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phần phổ thông	235.528.695	2.355.286.950.000	235.528.695	2.355.286.950.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<b>275.528.695</b>	<b>2.755.286.950.000</b>	<b>275.528.695</b>	<b>2.755.286.950.000</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phần phổ thông	(270.580)	(2.705.800.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
	<b>(270.580)</b>	<b>(2.705.800.000)</b>	<b>(270.580)</b>	<b>(2.705.800.000)</b>
<b>Số cổ phần hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phần phổ thông	235.258.115	2.352.581.150.000	235.258.115	2.352.581.150.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	<b>275.258.115</b>	<b>2.752.581.150.000</b>	<b>275.258.115</b>	<b>2.752.581.150.000</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là Petrovietnam hiện sở hữu 138.828.214 cổ phần tương ứng 50,44% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

22-C  
H  
T  
U  
H  
A  
E  
à  
CHI



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu USD	Thặng dư vốn cổ phần USD	Cổ phiếu quỹ USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái USD	Quỹ đầu tư phát triển USD	Quỹ dự phòng tài chính USD	Lợi nhuận chưa phân phối USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2013	117.333.602	77.037.828	(810.486)	(5.256.897)	28.963.748	13.749.931	104.690.766	335.708.492
Cổ tức công bố	11.846.818	-	-	-	-	-	(23.683.982)	(11.837.164)
Vốn góp	18.934.255	50.362.324	-	-	-	-	-	69.296.579
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(3.011.546)	-	-	-	(3.011.546)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	95.207.321	95.207.321
Phân phối quỹ	-	-	-	-	8.832.638	3.625.252	(24.892.361)	(12.434.471)
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(423.936)	(423.936)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(4.819.314)	(4.819.314)
Thường cổ phiếu quỹ	-	-	181.178	-	(181.178)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	148.114.675	127.400.152	(629.308)	(8.268.443)	37.615.208	17.375.183	146.078.494	467.685.961
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	544.345	-	-	-	544.345
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	65.810.139	65.810.139
Phân phối quỹ	-	-	-	-	6.343.166	468.779	(15.820.141)	(9.008.196)
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(184.253)	(184.253)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(2.542.634)	(2.542.634)
Tại ngày 30/6/2014	148.114.675	127.400.152	(629.308)	(7.724.098)	43.958.374	17.843.962	193.341.605	522.305.362

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được công bố xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2013 là 30% vốn điều lệ với 20% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Theo Thông báo số 533/PVD-TC ngày 11 tháng 8 năm 2014, Tổng Công ty sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 26 tháng 8 năm 2014 cho mục đích chi trả cổ tức năm 2013 trong tháng 9 năm 2014.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và chi nhánh Algeria từ Đồng Việt Nam và Dinars Algeria sang Đô la Mỹ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) USD	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con USD	Tổng số USD
Tại ngày 01/01/2013	44.076	(5.300.973)	(5.256.897)
Phát sinh trong năm	(260.467)	(2.751.079)	(3.011.546)
Tại ngày 31/12/2013	(216.391)	(8.052.052)	(8.268.443)
Phát sinh trong kỳ	100.008	444.337	544.345
Tại ngày 30/6/2014	<u>(116.383)</u>	<u>(7.607.715)</u>	<u>(7.724.098)</u>

**25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

	VND	Tương đương USD
Vốn điều lệ của công ty con (PVD Training)	28.958.670.000	1.606.508
Trong đó:		
<i>Vốn phân bổ cho Tổng Công ty</i>	<i>14.996.960.000</i>	<i>831.970</i>
<i>Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số</i>	<u><i>13.961.710.000</i></u>	<u><i>774.538</i></u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>48,21%</u>	<u>48,21%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	30/6/2014 USD	31/12/2013 USD
Tổng tài sản	5.586.913	9.067.840
Tổng nợ phải trả	<u>(2.692.289)</u>	<u>(6.152.755)</u>
Tài sản thuần	<u>2.894.624</u>	<u>2.915.085</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.606.508	1.606.508
Thặng dư vốn cổ phần	16.506	16.506
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(322.960)	(290.355)
Các quỹ khác	456.948	399.623
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>1.137.622</u>	<u>1.182.803</u>

	30/6/2014 USD	31/12/2013 USD
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.395.572	1.405.436
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	774.538	774.538
Thặng dư vốn cổ phần	7.249	7.249
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(155.706)	(139.169)
Các quỹ khác	220.306	192.669
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>549.185</u>	<u>570.149</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD
Lợi nhuận trong kỳ/năm	382.169	334.616
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	184.253	161.327

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan (gọi tắt là "Dịch vụ khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại (gọi tắt là "Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác (gọi tắt là "Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Dịch vụ khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	751.101.899	73.925.797	401.902.779	(140.874.280)	1.086.056.195
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>1.086.056.195</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	439.589.483	59.424.376	143.338.886	(79.997.484)	562.355.261
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>562.355.261</b>

01/1  
 CH  
 C  
 ÁCH  
 DE  
 VII  
 /-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Dịch vụ khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
Doanh thu gộp	296.897.219	38.141.055	164.440.285	(27.397.416)	472.081.143
Doanh thu thuần	296.897.219	38.141.055	164.440.285	(27.397.416)	472.081.143
Giá vốn hàng bán	228.269.536	36.435.031	128.125.491	(21.523.714)	371.306.344
Lợi nhuận gộp	68.627.683	1.706.024	36.314.794	(5.873.702)	100.774.799
Doanh thu hoạt động tài chính	469.709	133.398	28.028.570	(25.463.977)	3.167.700
Chi phí tài chính	6.328.401	279.753	1.442.376	(194.470)	7.856.060
Chi phí bán hàng	339.442	12.581	341.683	-	693.706
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.269.008	587.296	18.417.422	(5.861.758)	24.411.968
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	51.160.541	959.792	44.141.883	(25.281.451)	70.980.765
Thu nhập khác	889.255	21.157	699.251	-	1.609.663
Chi phí khác	130.411	21.914	387.144	-	539.469
Lợi nhuận/(lỗ) khác	758.844	(757)	312.107	-	1.070.194
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					8.234.278
Lợi nhuận kế toán trước thuế	51.919.385	959.035	44.453.990	(25.281.451)	80.285.237
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					14.513.915
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(38.817)
Lợi nhuận sau thuế					<u>65.810.139</u>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Dịch vụ khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	712.618.130	64.968.199	382.705.537	(138.598.905)	1.021.692.961
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<u>1.021.692.961</u>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	667.099.898	50.967.150	(89.829.025)	(75.636.459)	552.601.564
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<u>552.601.564</u>

00-00  
HÁNH  
NG TY  
EM HỮ  
JITT  
T NAI  
P.HỒ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Dịch vụ khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
Doanh thu gộp	220.977.365	20.083.776	100.015.344	(27.627.908)	313.448.577
Doanh thu thuần	220.977.365	20.083.776	100.015.344	(27.627.908)	313.448.577
Giá vốn hàng bán	163.016.162	19.013.007	75.680.688	(21.312.022)	236.397.835
Lợi nhuận gộp	57.961.203	1.070.769	24.334.656	(6.315.886)	77.050.742
Doanh thu hoạt động tài chính	400.061	440.357	7.911.462	(7.852.614)	899.266
Chi phí tài chính	7.718.943	314.685	1.617.546	(488.804)	9.162.370
Chi phí bán hàng	221.192	2.583	227.286	-	451.061
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.820.319	707.837	13.997.779	(6.303.942)	18.221.993
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.600.810	486.021	16.403.507	(7.375.754)	50.114.584
Thu nhập khác	265.599	41.352	701.529	-	1.008.480
Chi phí khác	7.265	45.278	255.203	-	307.746
Lợi nhuận/(lỗ) khác	258.334	(3.926)	446.326	-	700.734
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					885.214
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.859.144	482.095	16.849.833	(7.375.754)	51.700.532
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					6.539.190
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					45.476
Lợi nhuận sau thuế					<u>45.115.866</u>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.613.762	7.031.110
Chi phí nhân công	85.445.833	65.355.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.206.656	25.102.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.621.805	113.566.848
Chi phí khác	22.088.931	25.001.286
Giá vốn thương mại	36.435.031	19.013.007
	<u>396.412.018</u>	<u>255.070.889</u>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.258.362	521.787
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	909.338	377.479
	<u>3.167.700</u>	<u>899.266</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD
Chi phí lãi vay	3.760.886	5.855.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.327.688	1.573.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.665.783	1.329.573
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	636.482	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(839.047)	-
Chi phí tài chính khác	304.268	404.114
	<b>7.856.060</b>	<b>9.162.370</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD
Lợi nhuận trước thuế	80.285.237	51.700.532
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
Thu nhập không chịu thuế	(25.534.457)	(7.116.517)
Chi phí thực hiện từ nguồn trích của năm trước	-	(42.255)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.007.185	76.822
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>55.757.965</b>	<b>44.618.582</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.512.184	6.867.854
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	1.731	(328.664)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>14.513.915</b>	<b>6.539.190</b>

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành 22%, ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 22% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến năm 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến năm 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và năm 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 22% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
  - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 22% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
  - Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 22% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.

2017  
 CH  
 C  
 IÁCH  
 ĐỀ  
 VI  
 11-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- PVD Deepwater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V. PVD Deepwater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Trình bày lại)
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	63.083.252	41.888.347
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.083.252	41.888.347
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	<u>275.258.115</u>	<u>235.180.215</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>0,23</u></b>	<b><u>0,18</u></b>

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 do Tổng Công ty đã phát hành 25.020.480 cổ phần trong tháng 12 năm 2013 để thanh toán 10% cổ tức năm 2012 như sau:

	Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (USD)
Số báo cáo trước đây	210.159.735	0,20
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phần chi trả cổ tức trong năm 2013	25.020.480	(0,02)
<b>Số liệu trình bày lại</b>	<b><u>235.180.215</u></b>	<b><u>0,18</u></b>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã công bố việc chuyển đổi cổ phiếu quỹ thành cổ phiếu thưởng cho nhân viên, thu hồi cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ và phát hành thêm cổ phần để thanh toán 10% cổ tức năm 2013 như trình bày tại Thuyết minh số 24, theo đó dự kiến số cổ phần sẽ được phát hành thêm là 27.549.224 cổ phần. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	63.083.252	41.888.347
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	63.083.252	41.888.347
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	275.258.115	235.180.215
Số cổ phần dự kiến phát hành thêm	<u>27.549.224</u>	<u>27.549.224</u>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>0,21</u></b>	<b><u>0,16</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay và nợ	225.494.943	266.825.850
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>127.917.224</u>	<u>123.484.358</u>
Nợ thuần	97.577.719	143.341.492
Vốn chủ sở hữu	<u>522.305.362</u>	<u>467.685.961</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>19%</u>	<u>31%</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.917.224	123.484.358
Phải thu khách hàng và phải thu khác	242.636.984	191.965.547
Các khoản đầu tư khác	7.947.475	1.700.852
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.174.286	1.427.456
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>379.675.969</b></u>	<u><b>318.578.213</b></u>
Các khoản vay và nợ	225.494.943	266.825.850
Phải trả người bán và phải trả khác	146.248.853	116.474.276
Chi phí phải trả	87.386.717	73.868.995
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>459.130.513</b></u>	<u><b>457.169.121</b></u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

02-C.T.1  
 4  
 HẠN  
 E  
 01  
 CHỈ MẪU



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD	USD	USD
USD (các công ty con)	76.609.753	212.556.410	37.916.246	74.293.330
VND (Công ty Mẹ)	2.051.047	15.739.584	73.769.970	113.705.206
DZD	1.056.255	822.903	5.458.989	2.535.728
SGD	493.512	638.984	20.879	17.128
EUR	24.324	277.051	8.345	8.400
Norwegian krone (NOK)	1.524	3.557	-	-
GBP	99.515	63.602	14.772	11.759
AUD	1.687	29.359	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ (2%)	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty mẹ	1.434.378	1.959.312
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	773.870	2.765.262
<b>Tăng/giảm lợi nhuận hợp nhất</b>	<b>660.508</b>	<b>805.950</b>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 661.061 Đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2013: 814.022 Đô la Mỹ).

*Quản lý rủi ro về giá*

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh. Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

30/6/2014	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng cộng USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.917.224	-	-	127.917.224
Phải thu khách hàng và phải thu khác	242.636.984	-	-	242.636.984
Các khoản đầu tư khác	7.477.991	469.484	-	7.947.475
Các khoản ký quỹ, ký cược	355.603	818.683	-	1.174.286
<b>Tổng cộng</b>	<b>378.387.802</b>	<b>1.288.167</b>	<b>-</b>	<b>379.675.969</b>
Các khoản vay và nợ	75.456.216	140.017.640	10.021.087	225.494.943
Phải trả người bán và phải trả khác	146.248.853	-	-	146.248.853
Chi phí phải trả	87.386.717	-	-	87.386.717
<b>Tổng cộng</b>	<b>309.091.786</b>	<b>140.017.640</b>	<b>10.021.087</b>	<b>459.130.513</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>69.296.016</b>	<b>(138.729.473)</b>	<b>(10.021.087)</b>	<b>(79.454.544)</b>
<b>31/12/2013</b>	<b>Dưới 1 năm USD</b>	<b>Từ 1- 5 năm USD</b>	<b>Trên 5 năm USD</b>	<b>Tổng cộng USD</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.484.358	-	-	123.484.358
Phải thu khách hàng và phải thu khác	191.965.547	-	-	191.965.547
Các khoản đầu tư khác	950.751	474.383	275.718	1.700.852
Các khoản ký quỹ, ký cược	667.255	760.201	-	1.427.456
<b>Tổng cộng</b>	<b>317.067.911</b>	<b>1.234.584</b>	<b>275.718</b>	<b>318.578.213</b>
Các khoản vay và nợ	86.968.432	156.399.494	23.457.924	266.825.850
Phải trả người bán và phải trả khác	116.474.276	-	-	116.474.276
Chi phí phải trả	73.868.995	-	-	73.868.995
<b>Tổng cộng</b>	<b>277.311.703</b>	<b>156.399.494</b>	<b>23.457.924</b>	<b>457.169.121</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>39.756.208</b>	<b>(155.164.910)</b>	<b>(23.182.206)</b>	<b>(138.590.908)</b>

**33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc, đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ	<u>1.118.551</u>	<u>978.061</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trong vòng một năm	2.061.540	2.150.001
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.187.338	2.811.241
Sau năm năm	<u>2.261.634</u>	<u>1.802.862</u>
	<u><b>6.510.512</b></u>	<u><b>6.764.104</b></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Thời gian thuê được thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 38 năm.

**35. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

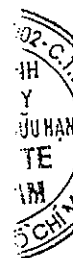
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam  
 Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam

**Mối quan hệ**

Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam  
 Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	14.681.693	103.034.419
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>287.388.836</u>	<u>63.615.641</u>
<b>Mua hàng</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	10.167.912	4.702.367
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>9.358.641</u>	<u>3.474.518</u>
<b>Vay từ PVCombank</b>		
Lãi vay đã trả	-	12.016
Nhận nợ vay trong kỳ	404.357	-
Hoàn trả nợ gốc trong kỳ	<u>-</u>	<u>1.394.925</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 USD	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD
Lương	101.933	128.295
Tiền thưởng	31.445	96.171
Các khoản phúc lợi khác	4.276	6.802
	<u>137.654</u>	<u>231.268</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014 USD	31/12/2013 USD
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	6.344.198	34.318.824
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>123.135.235</u>	<u>43.386.422</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	1.407.555	4.823.525
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>6.392.916</u>	<u>107.978</u>
<b>Các khoản vay phải trả</b>		
PVCombank	<u>404.357</u>	-
<b>Phải trả khác</b>		
Petrovietnam	<u>17.828.148</u>	<u>22.648.681</u>

**36. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 26 tháng 8 năm 2014.



*(Signature)*  
**Nhậm Tiến Dũng**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2014

*(Signature)*  
**Hồ Ngọc Yến Phương**  
 Phó Tổng Giám đốc

*(Signature)*  
**Đoàn Đắc Tùng**  
 Kế toán trưởng

*(Signature)*  
**Trần Kim Hoàng**  
 Người lập biểu